

Số: /BC-STC Cần Thơ, ngày tháng 11 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Giá thị trường tháng 10 năm 2025**

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá).

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Thực hiện Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Công văn số 395/VPUB-KT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thực hiện báo cáo giá thị trường và cung cấp tài khoản truy cập hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Sở Tài chính thành phố Cần Thơ báo cáo tình hình giá thị trường tháng 10 năm 2025 như sau:

**I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ THÁNG 10 NĂM 2025**

**1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ**

Thị trường giá cả trên địa bàn thành phố Cần Thơ tháng 10 năm 2025 được duy trì khá ổn định. Giá các nhóm hàng như thực phẩm, hàng ăn và dịch vụ ăn uống, đồ uống thuốc lá; may mặc, mũ nón, giày dép; nhà ở, điện, nước chất đốt và VLXD...có chỉ số giá tăng so tháng trước nên tác động làm chỉ số giá chung tăng nhẹ so tháng trước. Cụ thể: Tình hình giá cả thị trường giá tiêu dùng trong tháng 10 năm 2025 diễn biến như sau:

Giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm trong tháng 10 tăng nhẹ, cụ thể: hàng ăn và dịch vụ ăn uống, bột mì và ngũ cốc khác, lương thực chế biến, thực phẩm, thịt bò, thịt gia cầm,... giá tăng nhẹ so với tháng trước. Ngoài ra, các mặt hàng có giá cả hàng hóa ổn định do nguồn cung dồi dào, chất lượng nên duy trì giá bán để giữ chân khách hàng khi đến mua lần sau.

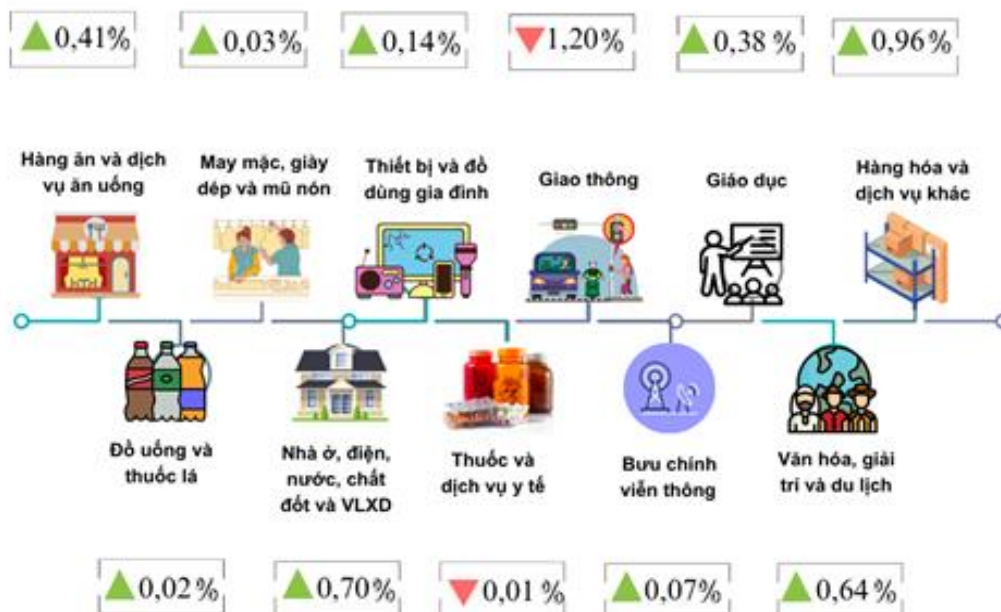
## 2. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

### 2.1. Phân tích diễn biến CPI của địa phương

Chỉ số giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 10 năm 2025 so tháng 9/2025 tăng 0,26%; so với kỳ gốc 2019 tăng 19,66%; so cùng kỳ tháng 10 năm trước tăng 3,10% và so tháng 12 năm 2024 tăng 2,59%. Bình quân 10 tháng năm 2025 tăng 2,98% so với bình quân 10 tháng năm 2024.

Giá một số mặt hàng rau màu, trái cây tháng 10 tăng so với tháng trước do nhu cầu thị trường tăng, cụ thể: Cải xanh, bí xanh, cà chua, quýt đường, dưa hấu, xoài cát Hòa Lộc. Giá mặt hàng heo ổn định, bò hơi tăng nhẹ so với tháng trước, riêng giá gà ta tăng nhiều.

**Hình 1. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 năm 2025 so với tháng trước (số liệu của Thống kê thành phố Cần Thơ báo cáo tình hình biến động giá tiêu dùng tháng 10 năm 2025)**



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 10 năm 2025 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

| Tên nhóm                               | Kỳ gốc<br>2019 | Tháng<br>10<br>năm<br>2024 | Tháng<br>12 năm<br>2024 | Tháng 9<br>năm<br>2025 | Bình<br>quân<br>cùng kỳ |
|----------------------------------------|----------------|----------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG                   | 119,66         | 103,10                     | 102,59                  | 100,26                 | 102,98                  |
| I. HÀNG ĂN VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG          | 124,85         | 101,37                     | 101,20                  | 100,41                 | 102,60                  |
| 1. LƯƠNG THỰC                          | 132,73         | 94,16                      | 93,96                   | 99,70                  | 94,89                   |
| 2. THỰC PHẨM                           | 121,56         | 102,35                     | 102,17                  | 100,29                 | 104,08                  |
| 3. ĂN UỐNG NGOÀI GIA ĐÌNH              | 129,52         | 103,58                     | 103,48                  | 101,23                 | 103,71                  |
| II. ĐỒ UỐNG VÀ THUỐC LÁ                | 112,88         | 101,26                     | 101,09                  | 100,02                 | 101,49                  |
| III- MAY MẶC, MŨ NÓN , GIÀY DÉP        | 105,84         | 100,75                     | 100,61                  | 100,03                 | 98,99                   |
| IV- NHÀ Ở, ĐIỆN NƯỚC, CHẤT ĐÓT VÀ VLXD | 130,63         | 107,54                     | 105,76                  | 100,70                 | 106,70                  |
| V- THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG GIA ĐÌNH        | 10,24          | 101,71                     | 101,43                  | 100,14                 | 101,57                  |
| VI- THUỐC VÀ DỊCH VỤ Y TẾ              | 126,45         | 115,44                     | 115,44                  | 99,99                  | 115,72                  |
| 20. DỊCH VỤ KHÁM SỨC KHỎE              | 130,29         | 118,21                     | 118,21                  | 100,00                 | 118,21                  |
| VII- GIAO THÔNG                        | 106,89         | 99,15                      | 98,63                   | 98,80                  | 96,57                   |
| VIII- BUỒ CHÍNH VIỄN THÔNG             | 96,82          | 99,81                      | 99,87                   | 100,07                 | 99,84                   |
| IX. GIÁO DỤC                           | 114,79         | 101,79                     | 101,78                  | 100,38                 | 97,99                   |
| 24. DỊCH VỤ GIÁO DỤC                   | 113,89         | 102,22                     | 102,22                  | 100,41                 | 97,47                   |
| X- VĂN HÓA, GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH        | 106,35         | 102,33                     | 101,60                  | 100,64                 | 102,50                  |
| XI- HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ KHÁC           | 133,96         | 104,51                     | 103,69                  | 100,96                 | 106,83                  |
| Vàng 99,99%, kiểu nhẫn tròn 1 - 2 chỉ  | 357,46         | 166,16                     | 164,94                  | 116,38                 | 146,24                  |
| Đô la Mỹ, loại tờ 50 - 100 USD         | 113,41         | 105,40                     | 103,73                  | 99,68                  | 103,95                  |

(Nguồn: Thống kê thành phố Cần Thơ báo cáo tình hình biến động giá tiêu dùng tháng 10 năm 2025)

## 2.2 Nguyên nhân biến động mặt bằng giá thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ

Nguyên nhân tăng chủ yếu do các nhóm hàng như thực phẩm, hàng ăn và dịch vụ ăn uống, đồ uống thuốc lá; may mặc, mũ nón, giày dép; nhà ở, điện,

nước chất đốt và VLXD...có chỉ số giá tăng so tháng trước nên tác động làm chỉ số giá chung tăng nhẹ so tháng trước. Thủy sản tươi sống tăng do đầu mùa nước lũ, ảnh hưởng mưa bão việc đánh bắt cá không thuận lợi, nguồn cung trên thị trường không đảm bảo, chi phí vận chuyển tăng. Rau tươi tăng do ảnh hưởng mùa mưa lũ, bão gây ngập úng tại các vùng trồng, việc gieo trồng gặp nhiều khó khăn, sản lượng thu hoạch thấp nên giá tăng so tháng trước. Giá các sản phẩm thiết bị và đồ dùng gia đình nhập vào tại các cửa hàng bán lẻ đã tăng giá, cộng thêm chi phí vận chuyển tăng, nên giá tăng.

Đối với một số mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng do thời tiết, do trái mùa vụ. Giá một số mặt hàng lúa/thóc tẻ giảm nhẹ so với tháng trước do lúa đa số đang giai đoạn chín - thu hoạch ngay mùa mưa bão, các doanh nghiệp đang chờ các hợp đồng xuất gạo, các đầu mối thương lái đang mua dự trữ, giảm giá tại ruộng.

Bên cạnh đó, có các mặt hàng giá cả hàng hóa ổn định do nguồn cung dồi dào, đang vào mùa thu hoạch rộ, hàng hóa tươi ngon nên duy trì giá bán ổn định. Giá một số loại cá, tôm thẻ chân trắng giảm nhẹ. Mặt hàng phân bón tăng nhẹ do nhu cầu tăng; thức ăn chăn nuôi, thủy sản ổn định. Mặt hàng thịt lợn giảm nhẹ do ảnh hưởng dịch bệnh tả lợn heo châu Phi nên người tiêu dùng ngại mua sản phẩm này về dùng mà thay thế vào các sản phẩm khác.

**3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ:** Bảng phụ lục kèm theo.

## **II. DIỄN BIẾN GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THIẾT YẾU**

- **Lương thực:** Giá thu mua thóc tươi tại ruộng của một số loại thóc tẻ tương đương giống thóc Khang Dân (gồm OM 5451, OM18, Đài thơm, Jasmin 85,...), Tám thơm (gồm ST 24, ST 25, RVT,...) ghi nhận tăng nhẹ so với tháng trước, cụ thể: Thóc tẻ OM 5451, OM18, Đài thơm giá bình quân 5.500 đ/kg (tăng 100 đ/kg) ; Thóc tẻ ST 24, ST 25 giá bình quân 7.700 đ/kg. Giá một số loại gạo thường bán lẻ tại chợ tương đối ổn định: gạo thơm thường giá 20.000 đ/kg; gạo một bụi Vĩnh Thuận giá bán 21.000 đ/kg; gạo một bụi Cà Mau giá bán 21.000 đ/kg; gạo 504 giá 15.000 đ/kg; gạo Tài Nguyên Chợ Đào giá 24.000 đ/kg; gạo thơm Long An giá 21.000 đ/kg.

- **Thực phẩm:** Giá Heo hơi bình quân trong tháng giảm so với tháng trước, giá bán dao động ở mức 52.000 - 57.000 đ/kg (*giảm trung bình 5.000 đ/kg*); giá Bò hơi tăng nhẹ, giá bán giao động từ 70.000 - 85.000 đ/kg (*tăng 5.000 đ/kg*); đối với Bò tỷ lệ nạt cao giá bán 80.000 - 85.000 đ/kg, Bò cái mua 60.000 đ/kg, Bò ốm 50.000 đ/kg; thịt bắp bò giao động từ 192.500 - 275.000 đ/kg (*tăng 1.500 đ/kg*), và thịt thăn giao động từ 192.000 - 250.000 đ/kg tùy loại (*ổn định*); Gà ta loại 1,5 - 2kg/con ghi nhận đều tăng, giá bán dao động 95.000-105.000 đ/kg (*tăng trung bình 5.000 đ/kg*).

- **Cá các loại:** Giá cá quả (lóc) giảm nhẹ, cá chép tương đương tháng trước. Cá lóc 153.000 đ/kg (*giảm 700 đ/kg*), cá chép 77.300 đ/kg. Tôm thẻ chân trắng không giảm, giá hiện nay bình quân 196.000 đ/kg tại địa bàn phường Sóc Trăng.

- **Rau, màu các loại:** Giá các loại rau trong tháng do nhu cầu đã tăng mạnh từ 200 - 15.000 đ/kg: giá Bắp cải trắng bình quân 15.000 đ/kg (*tăng 400 đ/kg*); Cải xanh 23.000 đ/kg (*tăng 3.800 đ/kg*); Bí xanh 20.600 đ/kg (*tăng 200 đ/kg*); Cà chua 37.600 đ/kg (*tăng 10.000 đ/kg*).

- **Trái cây:** Một số loại trái cây có giá biến động so với tháng trước, cụ thể: Quýt đường giá bán 46.000 đ/kg (*tăng 16.000 đ/kg*); cam sành giá 4.000 đ/kg (*giảm 1.000 đ/kg*); cam mật giá 12.000 đ/kg; bưởi năm roi giá 19.700 đ/kg (*giảm 300 đ/kg*); dưa hấu giá 17.000 đ/kg (*tăng 2.000 đ/kg*); xoài cát Hòa Lộc giá 52.000 đ/kg (*tăng 2.000 đ/kg*).

- **Mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG):** Giá mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng giảm nhẹ so với tháng trước, cụ thể: Saigon Petro (gas đun) giá 398.000 đ/bình 12kg (*giảm 6.000 đ/bình*).

- **Xăng, dầu:** Giá xăng, giá dầu trong tháng có 04 lần điều chỉnh giá, cụ thể giá bình quân trong tháng: Xăng A95-III giá 19.897 đ/lít (*giảm 511 đ/lít*); xăng E5 Ron 92-II giá 19.271 đ/lít (*giảm 535 đ/lít*); dầu Diesel (0.05%S)-II giá 18.474 đ/lít (*giảm 103 đ/lít*); dầu hỏa 2-K giá 18.482 đ/lít (*tăng 67 đ/lít*).

- **Phân bón:** Mặt hàng phân bón ổn định với đạm Phú Mỹ giá 12.500 đ/kg; tăng đôi với phân DAP 18-46-0 giá 28.000 đ/kg; và phân NPK 16-16-8-13S giá 19.600/kg.

- **Giá thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản:** Giá thức ăn chăn nuôi ổn định so với tháng trước, cụ thể: thức ăn Heo từ 70kg - xuất chuồng 13.000 đ/kg; thức ăn Gà, Vịt từ 42 ngày - xuất chuồng 12.500 đ/kg; thức ăn Thủy sản 30 - 42 độ đậm bình quân 29.000 đ/kg.

- **Giá sữa:** Các mặt hàng sữa bột; sữa đặc giá ổn định so với tháng trước, cụ thể: Sữa bột Dielac Alpha loại 900gr có giá bán 242.000 đ/hộp. Sữa bột Enfamil A+ tùy từng loại có giá bán từ 519.000 - 595.000 đ/hộp. Sữa đặc Cô Gái Hà Lan (CGHL) có giá từ 28.000 - 32.000 đ/hộp, tùy từng loại; sữa bò tươi tiệt trùng Vinamilk (180ml) có giá 31.500 đ/lốc (4 hộp).

- **Thực phẩm công nghệ:** Một số thực phẩm công nghệ có giá ổn định, cụ thể: Đường cát Biên Hòa giá 31.000 đ/kg; dầu ăn Tường An giá 51.000 đ/bình 1 lít; bột ngọt Ajinomoto giá bán 59.000 đ/kg; bột ngọt Vedan giá bán 60.000 đ/kg; dầu ăn Neptune giá bán 53.000 đ/bình 1 lít; dầu ăn Cái Lân giá 37.000 đ/bình 1 lít. Mặt hàng sữa: Sữa bột Dielac Alpha loại 900gr có giá bán 242.000 đ/hộp. Sữa bột Enfamil A+ tùy từng loại có giá bán từ 519.000 - 595.000 đ/hộp; Sữa đặc Cô Gái Hà Lan (CGHL) có giá từ 28.000 - 32.000 đ/hộp, tùy từng loại; sữa bò tươi tiệt trùng Vinamilk (180ml) có giá 31.500 đ/lốc (4 hộp).

- **Mặt hàng vật liệu xây dựng:** Giá một số mặt hàng vật liệu xây dựng tháng 10 cơ bản ổn định, có một vài mặt hàng giảm nhẹ so với tháng trước, cụ thể: Thép cuộn Tây Đô phi 6 giá 16.250 đ/kg; thép cuộn Tây Đô phi 8 giá 16.250 đ/kg; thép góc I.50 giá 16.270 đ/kg (*giảm 300 đ/kg*).

- **Vàng, đô la Mỹ:** Cập nhật lúc 15 giờ 00 phút, ngày 31 tháng 10 năm 2025, Vàng SJC (nhấn 99,99%) giá bán ra 14.720.000 đồng/chỉ (*tăng 148.000 đồng/chỉ*); đô la Mỹ giá bán ra 26.347 đồng/USD (*giảm 104 đồng/USD*).

### III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ

1. **Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá:**

Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành:

- Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cần Thơ.

- Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thành lập Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thành lập Hội đồng thẩm định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 về việc đẩy mạnh việc chấp hành quy định pháp luật về giá trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ đã triển khai thực hiện Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tại Công văn số 1439/STC-QLG-CS ngày 28 tháng 8 năm 2025, triển khai đến các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện.

- Ủy ban nhân dân thành phố đã có Công văn số 2288/VPUB-KT ngày 09/9/2025 về việc triển khai thực hiện Thông báo số 459/TB-VPCP ngày 04/9/2025 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc - Trưởng Ban chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp Ban Chỉ đạo về kết quả công tác quản lý, điều hành giá 7 tháng đầu năm 2025, định hướng công tác điều hành giá những tháng còn lại năm 2025.

- Ủy ban nhân dân thành phố đang xem xét ban hành Quyết định Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Sở Tài chính đã trình Ủy ban nhân dân thành phố).

## **2. Công tác định giá của địa phương**

- Báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tình hình giá thị trường tháng 9 năm 2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Đã triển khai Nghị định số 250/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2025 của, Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn thành phố. Đồng thời, Sở Tài chính đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố giao: (1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự ; (2) Các cơ quan chuyên môn tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo chuyên môn, chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo quy định. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã chỉ đạo tại Công văn số 1796/UBND-KT ngày 15 tháng 10 năm 2025.

- Tổ chức họp Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Cần Thơ đối với Yêu cầu định giá tài sản: số 3827/YC-VPCQCSĐT ngày 21/03/2025; số 6978/YC-VPCQCSĐT ngày 08/07/2025; 7979/YC-CSKT ngày 17/07/2025; số 7113/YC-VPCQCSĐT ngày 10/07/2025; số 9209/YC-VPCQCSĐT ngày 24/07/2025; số 1337/YC-CSHS ngày 18/07/2024; số C262/YC-CSHS ngày 30/07/2025; số C526/YC-CSHS ngày 04/07/2025; số B340/YC-VPCQCSĐT ngày 31/07/2025; số B341/YC-VPCQCSĐT ngày 31/07/2025; số 10109/YC-CSHS ngày 01/08/2025; số C548/YC-VPCQCSĐT ngày 04/08/2025; số B648/YC-VPCQCSĐT ngày 08/08/2025; số C1125/YC-VPCQCSĐT ngày 11/08/2025; số 10982/YC-CSHS ngày 12/08/2025; số 11004/YC-VPCQCSĐT ngày 12/08/2025; số C1308/YC-CSHS ngày 14/08/2025; số 10742/YC-CSHS ngày 08/08/2025; số C1345/YC-VPCQCSĐT ngày 15/08/2025; số C1222/YC-CSHS ngày 13/08/2025; số B1007/YC-CSHS ngày 18/08/2025; số B1158/YC-CSHS ngày 21/08/2025; số C1629/YC-CSHS ngày 21/08/2025; số B821/YC-VPCQCSĐT ngày 13/08/2025; số C1586/YC-VPCQCSĐT ngày 20/08/2025; số B1114/YC-VPCQCSĐT ngày 20/08/2025; số C1607/YC-VPCQCSĐT ngày 20/08/2025; số 12380/YC-CSHS ngày 25/08/2025; số 12139/YC-VPCQCSĐT ngày 22/08/2025; số 12553/YC-CSHS ngày 27/08/2025; số

12482/YC-VPCQCSĐT ngày 26/08/2025; số B1153/YC-VPCQCSĐT ngày 21/08/2025; số C1777/YC-CSHS ngày 26/08/2025; số C1831/YC-VPCQCSĐT ngày 26/08/2025; số C1793/YC-CSHS ngày 25/08/2025; số B1552/YC-VPCQCSĐT ngày 27/08/2025; số C1745/YC-VPCQCSĐT ngày 24/08/2025; số 12968/YC-CSHS ngày 29/08/2025; số C1798/YC-VPCQCSĐT ngày 03/09/2025; số C2010/YC-CSHS ngày 03/09/2025; số C2009/YC-CSHS ngày 03/09/2025; số B1815/YC-VPCQCSĐT ngày 03/09/2025; số C2011/YC-VPCQCSĐT ngày 03/09/2025; số 11393/YC-CSHS ngày 15/08/2025; số B1787/YC-VPCQCSĐT ngày 01/09/2025; số 12885/YC-CSHS ngày 28/08/2025; số 12886/YC-VPCQCSĐT ngày 28/08/2025; số B1927/YC-VPCQCSĐT ngày 04/09/2025; số 13712/YC-VPCQCSĐT ngày 09/09/2025; số C2333/YC-VPCQCSĐT ngày 09/09/2025; số 11/YC-ĐGTS ngày 11/09/2025; số 13957/YC-VPCQCSĐT ngày 10/09/2025; số 14007/YC-CSHS ngày 10/09/2025; số 14008/YC-VPCQCSĐT ngày 10/09/2025; số 13862/YC-VPCQCSĐT ngày 09/09/2025; số B2270/YC-VPCQCSĐT ngày 12/09/2025; số C2386/YC-VPCQCSĐT ngày 09/09/2025; số C2387/YC-VPCQCSĐT ngày 09/09/2025; số C2388/YC-VPCQCSĐT ngày 09/09/2025; số 13933/YC-VPCQCSĐT ngày 10/09/2025; số 14740/YC-CSHS ngày 18/09/2025; số C2756/YC-VPCQCSĐT ngày 16/09/2025; số 14512/YC-CSHS ngày 16/09/2025; số C2741/YC-CSHS ngày 16/09/2025; số 14962/YC-CSKT ngày 19/09/2025; số B2842/YC-VPCQCSĐT ngày 22/09/2025.

- Tham gia Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính, kinh doanh thương mại.

### **3. Tình hình thực hiện kê khai giá**

Đối với việc phân công thực hiện kê khai giá trên địa bàn, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc phân công thẩm quyền lập, thẩm định phương án giá; tiếp nhận Văn bản kê khai giá; xây dựng đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, tiếp nhận kê khai giá, thay thế Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định số 1340/QĐ-

UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân công thẩm quyền lập, thẩm định phương án giá; tiếp nhận Văn bản kê khai giá; xây dựng đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, tiếp nhận kê khai giá.

#### **IV. DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG**

- Tình hình thị trường cơ bản ổn định, không xảy ra hiện tượng thiếu hàng, sốt hàng, tăng giá đột biến. Lượng hàng hóa trên thị trường tương đối dồi dào, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn.

- Để chuẩn bị ban hành Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu, thúc đẩy hoạt động thương mại năm 2025, Tết Nguyên đán năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Sở Công Thương thành phố đã có Tờ trình số 1814/TTr-SCT ngày 15/10/2025 trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu, thúc đẩy hoạt động thương mại năm 2025, Tết Nguyên đán năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Chương trình nhận được đăng ký tham gia của 16 doanh nghiệp (tính đến tháng 10 năm 2025) với tổng giá trị dự trữ hàng hóa là hơn 4.108 tỷ đồng (trong đó: Nhóm hàng lương thực thực phẩm hơn 327 tỷ đồng; Nhóm hàng nhiên liệu hơn 3.781 tỷ đồng)

- Dự báo giá cả thị trường tiêu dùng tháng 11 sẽ có chiều hướng tăng nhẹ so tháng trước, cụ thể các nhóm hàng lương thực, thực phẩm, hàng hoá, dịch vụ... giá tăng trong thời gian tới các mặt hàng này là chủ lực khiến giá cả tăng. Nguyên nhân tăng do các nhóm mặt hàng chủ yếu làm nguyên liệu chính để phục vụ các ngày Lễ, Tết sắp đến, nhu cầu tiêu dùng tăng, xuất khẩu vào các dịp cuối năm cũng tăng, chi phí vận chuyển tăng nên giá tăng. Thức ăn chăn nuôi thủy sản cơ bản ổn định. Giá các mặt hàng rau màu tăng, cá tôm giảm nhẹ, phân bón các loại tăng do nhu cầu thị trường.

- Giá vàng và giá đô la Mỹ biến động do ảnh hưởng của thị trường thế giới.

## V. GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ

- Nhằm để đảm bảo hiệu quả công tác quản lý giá, điều hành giá, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp, các đơn vị có liên quan.

- Tiếp tục đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp khẩn trương cập nhật dữ liệu về giá hàng hoá dịch vụ vào hệ thống cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Tiếp tục nhập và thực hiện báo cáo theo quy định về giá cả thị trường trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

- Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy phạm liên quan đến lĩnh vực quản lý giá.

- Phối hợp tham gia Hội đồng xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính theo đề nghị Cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ.

- Tiếp tục tham gia Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Tiếp tục tham gia Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính, kinh doanh thương mại.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá tháng 10 năm 2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Sở Tài chính thành phố Cần Thơ kính báo cáo Bộ Tài chính./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, QLG-CS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Cảnh Tuyền Hải**